

Bản án số: 101/2023/DS-ST
Ngày: 14.9.2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hữu

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Sanh
Ông Phạm Công Lương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 14.9.2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2023/TLST- DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2023/QĐXXST-DS ngày 10/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2023/QĐST-DS ngày 28/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ trụ sở chính: 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Chi nhánh Ngân hàng TMCP S tại Đà Nẵng, địa chỉ: Số 130A-130 – 132 B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch D: Ông Hoàng Thanh H, chức vụ: Giám đốc (Theo Giấy ủy quyền số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022). Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Thanh H: Ông Nguyễn Văn N, chức vụ: Chuyên viên khách hàng (Theo Giấy ủy quyền số 147/2023/UQ-CNĐN ngày 12/4/2023). Ông N có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Thanh N. Sinh năm 1973. Địa chỉ thường trú: K338/H81/9 H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 22/12/2017, bà Phạm Thị Thanh N có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của bà N, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 20,000,000đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp tín dụng bà N đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 49,692,400 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ đến ngày 30/11/2021, bà N đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 53,592,377 đồng. Trong đó: phí trễ hạn: 3,062,824 đồng, phí vượt hạn mức: 100,000đồng, phí khác: 829,500đồng, lãi phát sinh 19,672,406 đồng và thanh toán gốc 29,927,647đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Đến ngày 01/11/2022, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Từ ngày 01/11/2022 đến 13/09/2023 bà N đã không thanh toán thêm cho ngân hàng. Tính đến ngày 14/09/2023, bà N còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ: 23,097,952 đồng bao gồm: Dư nợ gốc: 19,764,753 đồng, phí trễ hạn: 520,938đồng, phí: 203,037đồng và lãi phát sinh 2,609,224đồng. Lãi quá hạn: 9,518,559 đồng. Tổng cộng: 32,616,511 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, năm trăm mười một đồng). Lãi suất trong hạn: 2.60%/tháng. Lãi suất quá hạn: 3.9%/tháng (2.60%x150%).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà N có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà N vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng. Do đó Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Thanh N phải trả ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/09/2023 là 32,616,511đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, năm trăm mười một đồng) trong đó: Dư nợ 23,097,952 đồng bao gồm: Dư nợ

gốc: 19,764,753 đồng, phí trễ hạn: 520,938đồng, phí: 203,037đồng và lãi phát sinh 2,609,224đồng. Lãi quá hạn: 9,518,559 đồng.

Buộc bà N phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/09/2023 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn phải trả tiền gốc và lãi theo Hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 22/12/2017, bị đơn có địa chỉ tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1]: Theo thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 22/12/2017 giữa Ngân hàng TMCP S (viết tắt là Ngân hàng) với bà Phạm Thị Thanh N, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà N hạn mức là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Quá trình sử dụng thẻ, bà N đã giao dịch với tổng số tiền 49,692,400 đồng. Tính đến ngày 30/11/2021, bà N đã thanh toán cho Ngân hàng 29,927,647đồng tiền gốc, phí trễ hạn: 3,062,824đồng, phí vượt hạn mức: 100,000đồng, phí khác: 829,500đồng, lãi phát sinh 19,672,406 đồng.

Ngày 01/11/2022, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 14/09/2023, bà N còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ: 23,097,952 đồng bao gồm: Dư nợ gốc: 19,764,753 đồng, phí trễ hạn: 520,938đồng, phí: 203,037đồng và lãi phát sinh 2,609,224đồng. Lãi quá hạn: 9,518,559 đồng. Tổng cộng: 32,616,511 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, năm trăm mười một đồng). Lãi suất trong hạn: 2.60%/tháng. Lãi suất quá hạn: 3.9%/tháng (2.60%x150%).

[2.2] Xét thấy: Bà Phạm Thị Thanh N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng

của Ngân hàng, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị Thanh N phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 32,616,511 (Bằng chữ: Ba mươi hai triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, năm trăm mười một) đồng trong đó dư nợ 23,097,952 đồng đồng, lãi quá hạn: 9,518,559 đồng.

Kể từ ngày 15/9/2023, bà Phạm Thị Thanh N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

[3] Về án phí :

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” của Ngân hàng TMCP S đối với bà Phạm Thị Thanh N.

Tuyên xử :

1. Buộc bà Phạm Thị Thanh N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 14.9.2023 là 32.616.511 (Bằng chữ: Ba mươi hai triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, năm trăm mười một) đồng trong đó dư nợ 23.097.952 đồng, lãi quá hạn: 9.518.559 đồng.

Kể từ ngày 15.9.2023, bà Phạm Thị Thanh N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng thẻ tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí:

Bà Phạm Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.630.826 (Một triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, tám trăm hai mươi sáu) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 699.058 đồng theo biên lai thu số 7388 ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hữu